TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 404/2023/DS-ST
Ngày: 07-9-2023
V/v tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Tĩnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Anh Thư

2. Ông Bùi Quang Vinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Khánh Hoàng- Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 07 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 900/2022/TLST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2022 về việc: "Tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 5409/2023/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 6133/2023/QĐST-DS ngày 10 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Shin M, sinh năm 1980

Địa chỉ: phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn:

Ông Huỳnh Văn D, trú tại: Phường 8, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 16 tháng 11 năm 2022). Ông D có mặt.

2. Bị đơn: Công ty TNHH cung ứng P

Địa chỉ: Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Bị đơn:

Ông Võ Tuấn T, trú tại: Phường 2, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền của Bị đơn (Văn bản ủy quyền ngày 08 tháng 6 năm 2023). Ông T có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại Đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 11 năm 2022, trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn- Bà Shin M- Có ông Huỳnh Văn D- Đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ngày 07/12/2021, bà Shin M có ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh số: 29112021/HĐHTKD/P-ShinMyungeun (gọi tắt là Hợp đồng) với Công ty TNHH cung ứng P (gọi tắt là P). Thời hạn hợp tác là 05 năm kể từ ngày ký kết hợp đồng. Theo nội dung các bên thỏa thuận trong Hợp đồng, Nguyên đơn giữ vai trò là nhà đầu tư toàn bộ nguồn tài chính (bao gồm chi phí sử dụng thương hiệu, chi phí thuê mặt bằng, chi phí thi công xây dựng cửa hàng, chi phí mua sắm trang thiết bị) để kinh doanh cửa hàng đồ uống. P giữ vai trò là đối tác cung cấp quyền sử dụng nhãn hiệu "PASSIO COFFEE", thay mặt Nguyên đơn tìm kiếm đơn vị thiết kế và giám sát việc xây dựng, trực tiếp ký kết hợp đồng thuê mặt bằng, chuyển giao bí quyết pha chế đồ uống, cử người đại diện theo ủy quyền để quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh cửa hàng nhưng phải tham khảo ý kiến của Nguyên đơn trước khi có bất kỳ quyết định nào làm thiệt hại cho Nguyên đơn. Theo đó, P có nhiệm vụ minh bạch trong quản lý kinh doanh và định kỳ vào ngày 10 dương lịch hàng tháng phải gửi báo cáo bằng văn bản cho Nguyên đơn về doanh thu của cửa hàng để làm căn cứ phân chia lợi nhuận.

Ngày 20/12/2021, Nguyên đơn đã thực hiện chuyển khoản số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) cho phía P với nội dung: *"Phi nhuong quyen thuong hieu Passio Coffee cua hang Passio Petroland"* để hoàn thành nghĩa vụ theo Điều 4.1 Hợp đồng.

Ngày 06/01/2022, P ký kết hợp đồng thuê mặt bằng tại địa chỉ: Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh để hoạt động cửa hàng đồ uống. Thời hạn thuê là 05 năm, kể từ ngày 07/01/2022 đến ngày 07/01/2027. Số tiền đặt cọc tương đương với 4 tháng tiền thuê là 126.000.000đ (Một trăm hai mươi sáu triệu đồng).

Ngày 07/01/2022, Nguyên đơn đã thực hiện chuyển khoản số tiền 126.000.000đ (Một trăm hai mươi sáu triệu đồng) vào tài khoản cá nhân của người đại diện theo pháp luật của P là bà Đinh Thị P với nội dung: *"Nop tien coc mat bang Passio Petroland"*. Vấn đề chuyển vào tài khoản cá nhân của bà Phượng là theo yêu cầu của phía P.

Ngày 17/01/2022 và ngày 25/01/2022, dựa vào bảng dự toán chi phí đầu tư ban đầu, Nguyên đơn đã lần lượt thực hiện chuyển khoản số tiền 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng) và 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng) cho P với nội dung: *"Thanh toan phi thi cong cua hang Passio Pertroland lan 1 và lan 2".*

Tuy nhiên, trong quá trình set-up (thiết lập) thi công cửa hàng, phía Passio đã tự ý quyết định thi công các hạng mục nằm ngoài phạm vi dự toán ban đầu khi chưa có sự đồng ý của Nguyên đơn. Làm phát sinh các chi phí đầu tư như tiền cọc mặt bằng thuê ngoài, tiền phát sinh mua trang thiết bị máy móc. Thêm vào đó, mặc dù Nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu nhưng phía P không cung cấp

được chính xác các hóa đơn chứng từ cho các hạng mục công việc đã thi công, trang thiết bị máy móc đã mua.

Cửa hàng đồ uống chính thức hoạt động từ tháng 02/2022. Theo quy định tại Điều 5.1 (e) của Hợp đồng thì P phải gửi báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh của cửa hàng định kỳ vào ngày 10 dương lịch hàng tháng. Tuy nhiên, phía P liên tục chậm trễ về việc gửi báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh của cửa hàng. Nguyên đơn đã nhiều lần gửi email yêu cầu P thực hiện đúng theo điều khoản đã cam kết, đồng thời cung cấp các hóa đơn chứng từ nhưng P vẫn không khắc phục.

Ngày 13/7/2022, Nguyên đơn đã gửi thông báo khuyến cáo bằng văn bản cho P về việc vi phạm các điều khoản trong Hợp đồng liên quan đến việc không cung cấp minh bạch các hóa đơn, chứng từ sử dụng tiền đầu tư, chậm trễ báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh hàng tháng.

Ngày 12/8/2022, Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn có đến gặp và làm việc với đại diện của P để trao đổi các vấn đề liên quan đến nội dung vi phạm đã được đề cập tại Thông báo khuyến cáo gửi ngày 13/7/2022, nội dung buổi làm việc các bên xác nhận bên phía P sẽ hoàn tất toán và gửi toàn bộ hồ sơ bổ sung kèm theo việc khắc phục những vi phạm theo đề nghị từ Nguyên đơn.

Ngày 18/8/2022, P có phản hồi và cung cấp các hóa đơn chứng từ nhưng chưa đảm bảo tính minh bạch. Cụ thể các hạng mục thi công, mua trang thiết bị máy móc đều được thực hiện vào khoảng thời gian từ tháng 01/2022 đến tháng 02/2022. Tuy nhiên thời gian ghi nhận trên các hóa đơn đa số vào tháng 4/2022 và tháng 6/2022, cũng như phía P chưa khắc phục toàn bộ vi phạm theo quy định tại Hợp đồng.

Ngày 31/8/2022, nhận thấy phía P đã vi phạm các điều khoản của Hợp đồng và không khắc phục theo yêu cầu. Nguyên đơn đã gửi thông báo bằng văn bản về việc chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn đồng thời yêu cầu P hoàn trả cho Nguyên đơn các chi phí đầu tư nhưng P vẫn không phản hồi.

Tổng số tiền Nguyên đơn yêu cầu P hoàn trả là: 1.138.500.000 đồng bao gồm: 100% phí nhượng quyền thương hiệu, với số tiền 300.000.000 đồng; 100% tiền đặt cọc mặt bằng tại địa điểm kinh doanh Passio Petroland, Tầng trệt, dự án Trung tâm thương mại tài chính dầu khí Phú Mỹ Hưng, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, với số tiền 126.000.000 đồng; Chi phí đầu tư thi công, trang thiết bị máy móc, sau khi trừ đi mức khấu hao 5%, với số tiền 712.500.000 đồng.

Ngày 14/9/2022, Nguyên đơn tiếp tục gửi Biên bản thanh lý hợp đồng và đề nghị thanh toán bằng văn bản cho P. Tuy nhiên, phía P vẫn không phản hồi. Tất cả các văn bản Nguyên đơn gửi đi phía P đều nhận được.

Ngày 04/10/2022, Nguyên đơn gửi Thông báo nhắc nợ lần 1 để yêu cầu P hoàn trả chi phí đầu tư theo Biên bản thanh lý hợp đồng và Đề nghị thanh toán. Tuy nhiên, P vẫn không có phản hồi.

Ngày 13/10/2022, Nguyên đơn đã gửi Thông báo nhắc nợ lần 2 nhưng vẫn không nhận được phản hồi từ phía P.

Dựa trên những quy định tại Hợp đồng hợp tác kinh doanh cũng như tình hình hợp tác thực tế Nguyên đơn nhận thấy quyền lợi của Nguyên đơn bị vi phạm nghiêm trọng.

Do đó, Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Buộc P phải hoàn trả các chi phí Nguyên đơn đã đầu tư với tổng số tiền là: 1.176.000.000 đồng bao gồm: 100% phí nhượng quyền thương hiệu, với số tiền 300.000.000 đồng; 100% tiền đặt cọc mặt bằng tại địa điểm kinh doanh Passio Petroland, Tầng trệt, dự án Trung tâm thương mại tài chính dầu khí Phú Mỹ Hưng, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, với số tiền 126.000.000 đồng; Toàn bộ chi phí đầu tư thi công, trang thiết bị máy móc với số tiền 750.000.000 đồng.

Tổng số tiền 1.176.000.000 đồng nêu trên được hoàn trả bằng tiền mặt đồng Việt Nam, được hoàn trả 01 lần bằng hình thức chuyển khoản theo thông tin tài khoản sau: Chủ tài khoản: Shin M, số tài khoản: 700015798741, Ngân hàng: TNHH MTV Shinhan Việt Nam- Chi Nhánh Việt Nam…

** Trong quá trình giải quyết vụ án, Bị đơn- Công ty TNHH cung ứng P- Có ông Võ Tuấn T là người đại diện hợp pháp trình bày:*

Bị đơn có thiện chí cho việc hòa giải nhưng đề nghị phía Nguyên đơn tính toán lại khấu hao tài sản và con số cụ thể để hai bên cùng trực tiếp thương lượng.

Tại phiên tòa:

** Ông Huỳnh Văn D- Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn trình bày:*

Ngày 10/8/2023, Nguyên đơn và Bị đơn đã thỏa thuận các nội dung như sau:

Đối với yêu cầu hoàn trả phí chuyển nhượng thương hiệu là 300.000.000 đồng, Nguyên đơn đồng ý giảm 60.000.000 đồng, chỉ yêu cầu Bị đơn trả 240.000.000 đồng. Vấn đề này Bị đơn không đồng ý.

Đối với yêu cầu trả tiền đặt cọc mặt bằng tại địa điểm kinh doanh Passio Petroland, tầng trệt, dự án Trung tâm thương mại tài chính dầu khí Phú Mỹ Hưng, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, với số tiền 126.000.000 đồng. Bị đơn đồng ý hoàn trả cho Nguyên đơn.

Đối với yêu cầu trả toàn bộ chi phí đầu tư thi công, trang thiết bị máy móc với số tiền 750.000.000 đồng. Nguyên đơn đồng ý giảm 150.000.000 đồng (sau khi đã trừ đi 20% mức khấu hao tài sản). Số tiền yêu cầu Bị đơn phải trả là 600.000.000 đồng, Bị đơn đồng ý. Bị đơn xác nhận Nguyên đơn đã bàn giao đầy đủ các trang thiết bị, máy móc tại cửa hàng theo biên bản kiểm kê các bên đã thông qua. Các bên thống nhất không yêu cầu Tòa án tiến hành xem xét, thẩm

định tại chỗ tại địa điểm kinh doanh Passio Petroland, tầng trệt, dự án Trung tâm thương mại tài chính dầu khí Phú Mỹ Hưng, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Như vậy các bên đã thống nhất được 02 yêu cầu tranh chấp, Bị đơn đồng ý hoàn trả cho Nguyên đơn số tiền tổng cộng là 726.000.000 đồng bao gồm: 126.000.000 đồng tiền đặt cọc mặt bằng và 600.000.000 đồng giá trị chi phí đầu tư thi công, trang thiết bị, máy móc. Riêng việc hoàn trả tiền nhượng quyền thương hiệu, các bên chưa thống nhất được.

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc Bị đơn trả ngay một lần cho Nguyên đơn tổng số tiền là 966.000.000 đồng (726.000.000 đồng + 240.000.000 đồng).

** Ông Võ Tuấn T- Người đại diện theo ủy quyền của Bị đơn trình bày:*

Bị đơn xác nhận việc các bên thỏa thuận ký hợp đồng hợp tác và các thỏa thuận khác như trình bày của đại diện Nguyên đơn. Riêng việc hoàn trả tiền nhượng quyền thương hiệu thì Bị đơn không đồng ý vì Nguyên đơn đã sử dụng thương hiệu của Bị đơn. Đối với số tiền 726.000.000 đồng bao gồm: 126.000.000 đồng tiền đặt cọc mặt bằng và 600.000.000 đồng chi phí đầu tư thi công, trang thiết bị, máy móc Bị đơn đồng ý trả cho Nguyên đơn, tuy nhiên để thực hiện ngay thì phía Bị đơn chưa có điều kiện để trả, đề nghị Nguyên đơn sắp xếp thời gian trả hợp lý cho Bị đơn vì hiện tại tình hình kinh doanh gặp nhiều khó khăn. Cả Nguyên đơn và Bị đơn đều thống nhất không yêu cầu Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ tại địa điểm kinh doanh Passio Petroland, Tầng trệt, dự án Trung tâm thương mại tài chính dầu khí Phú Mỹ Hưng, số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Nguyên đơn đã bàn giao đầy đủ các trang thiết bị, máy móc tại cửa hàng theo biên bản kiểm kê các bên đã thông qua. Các bên đã thống nhất toàn bộ chi phí đầu tư thi công, trang thiết bị máy móc đầu tư thi công với số tiền Bị đơn phải trả là 600.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 không tham gia phiên tòa do Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngày 07/12/2021, bà Shin M và Công ty TNHH cung ứng P (gọi tắt là Công ty) ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh số: 29112021/HĐHTKD/P-Shin Myunggeun (gọi tắt là Hợp đồng). Bà Shin M cho rằng Công ty không thực hiện đúng cam kết trong Hợp đồng nên phát sinh tranh chấp.

Công ty là Bị đơn có trụ sở tại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1 theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thời hiệu khởi kiện:

Căn cứ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và các quy định của pháp luật, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: "Tranh chấp hợp đồng hợp tác đầu tư", yêu cầu của Nguyên đơn còn trong thời hiệu khởi kiện.

[2] Về pháp luật nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của Nguyên đơn về việc buộc Bị đơn trả ngay một lần số tiền 726.000.000 đồng bao gồm: 126.000.000 đồng tiền đặt cọc mặt bằng và 600.000.000 đồng giá trị chi phí đầu tư thi công, trang thiết bị, máy móc.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 07/12/2021, bà Shin M có ký kết Hợp đồng với Công ty. Thời hạn hợp tác là 05 năm kể từ ngày ký kết Hợp đồng. Theo thỏa thuận trong Hợp đồng, bà Shin M giữ vai trò là nhà đầu tư toàn bộ nguồn tài chính (bao gồm chi phí sử dụng thương hiệu, chi phí thuê mặt bằng, chi phí thi công xây dựng cửa hàng, chi phí mua sắm trang thiết bị...) để kinh doanh cửa hàng đồ uống. Công ty giữ vai trò là đối tác cung cấp quyền sử dụng nhãn hiệu "PASSIO COFFEE", thay mặt bà Shin M tìm kiếm đơn vị thiết kế và giám sát việc xây dựng, trực tiếp ký kết hợp đồng thuê mặt bằng, chuyển giao bí quyết pha chế đồ uống, cử người đại diện theo ủy quyền để quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh cửa hàng nhưng phải tham khảo ý kiến của bà Shin M trước khi có bất kỳ quyết định nào làm thiệt hại cho bà Shin M. Công ty có nhiệm vụ minh bạch trong quản lý kinh doanh và định kỳ vào ngày 10 dương lịch hàng tháng phải gửi báo cáo bằng văn bản cho bà Shin M về doanh thu của cửa hàng để làm căn cứ phân chia lợi nhuận...

Thực hiện thỏa thuận trong Hợp đồng, bà Shin M đã chuyển khoản cho Công ty, cụ thể:

Ngày 20/12/2021, chuyển số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng); ngày 07/01/2022, chuyển số tiền 126.000.000đ (Một trăm hai mươi sáu triệu đồng), ngày 17/01/2022 và ngày 25/01/2022, chuyển số tiền 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng) và 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng).

Bà Shin M trình bày: Trong quá trình set-up (thiết lập) thi công cửa hàng, phía Công ty đã tự ý quyết định thi công các hạng mục nằm ngoài phạm vi dự toán ban đầu khi chưa có sự đồng ý của bà làm phát sinh các chi phí đầu tư như tiền cọc mặt bằng thuê ngoài, tiền phát sinh mua trang thiết bị máy móc. Công ty không cung cấp được chính xác các hóa đơn chứng từ cho các hạng mục công việc đã thi công, trang thiết bị máy móc đã mua, Công ty liên tục chậm trễ về việc gửi báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh của cửa hàng. Bà Shin M đã

nhiều lần gửi email yêu cầu Công ty thực hiện đúng theo điều khoản đã cam kết, đồng thời cung cấp các hóa đơn, chứng từ nhưng Công ty vẫn không thực hiện đúng yêu cầu...

Ngày 13/7/2022, bà Shin M đã gửi thông báo bằng văn bản cho Công ty về việc vi phạm các điều khoản trong Hợp đồng liên quan đến việc không cung cấp minh bạch các hóa đơn, chứng từ sử dụng tiền đầu tư, chậm trễ báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh hàng tháng. Ngày 12/8/2022, Đại diện theo ủy quyền của bà Shin M có đến gặp và làm việc với đại diện của Công ty để trao đổi các vấn đề liên quan đến nội dung vi phạm đã được đề cập tại Thông báo khuyến cáo gửi ngày 13/7/2022, phía Công ty xác nhận sẽ hoàn tất toán và gửi toàn bộ hồ sơ bổ sung kèm theo việc khắc phục những vi phạm theo đề nghị từ bà Shin M. Ngày 18/8/2022, Công ty có phản hồi và cung cấp các hóa đơn chứng từ nhưng chưa đảm bảo tính minh bạch. Cụ thể các hạng mục thi công, mua trang thiết bị máy móc đều được thực hiện vào khoảng thời gian từ tháng 01/2022 đến tháng 02/2022. Tuy nhiên thời gian ghi nhận trên các hóa đơn đa số vào tháng 4/2022 và tháng 6/2022, cũng như phía Công ty chưa khắc phục toàn bộ vi phạm theo quy định tại Hợp đồng. Ngày 31/8/2022, bà Shin M đã gửi thông báo bằng văn bản về việc chấm dứt hợp đồng trước thời hạn đồng thời yêu cầu Công ty hoàn trả cho bà các chi phí đầu tư nhưng Công ty không phản hồi.

Xét thấy, việc ký hợp đồng hợp tác đầu tư, biên bản làm việc giữa các bên là tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên cần buộc bên vi phạm nghĩa vụ thực hiện đúng các trách nhiệm theo thỏa thuận đã cam kết. Trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Công ty không có yêu cầu phản tố; thống nhất, không phản đối các ý kiến, trình bày, các tài liệu, chứng cứ mà Nguyên đơn đưa ra. Tại phiên tòa, Bị đơn chỉ có ý kiến về việc không đồng ý việc Nguyên đơn yêu cầu hoàn trả tiền nhượng quyền thương hiệu và đề nghị Nguyên đơn xem xét phương thức trả số tiền 726.000.000 đồng (bao gồm: 126.000.000 đồng tiền đặt cọc mặt bằng và 600.000.000 đồng giá trị chi phí đầu tư thi công, trang thiết bị, máy móc) cho Nguyên đơn.

Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn về việc buộc Bị đơn phải trả ngay cho Nguyên đơn số tiền số tiền 726.000.000 đồng (bao gồm: 126.000.000 đồng tiền đặt cọc mặt bằng và 600.000.000 đồng tiền giá trị chi phí đầu tư thi công, trang thiết bị, máy móc).

[2.2] Xét yêu cầu của Nguyên đơn về việc buộc Bị đơn hoàn trả ngay một lần 240.000.000 đồng tiền nhượng quyền thương hiệu.

Như đã phân tích ở trên, các bên thỏa thuận trong Hợp đồng, bà Shin M giữ vai trò là nhà đầu tư toàn bộ nguồn tài chính (bao gồm chi phí sử dụng thương hiệu, chi phí thuê mặt bằng, chi phí thi công xây dựng cửa hàng, chi phí mua sắm trang thiết bị...) để kinh doanh cửa hàng đồ uống. Công ty đã vi phạm thỏa thuận trong Hợp đồng nên số tiền 300.000.000 đồng Công ty phải trả lại cho Nguyên đơn. Tuy nhiên, Nguyên đơn chỉ yêu cầu Công ty trả 240.000.000 đồng là tự nguyện và có lợi cho Bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu

này của Nguyên đơn.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Shin M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do các yêu cầu của bà Shin M được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Công ty phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 505 và 512 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b, Điều 9, Điều 26 và Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ vào khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn- Bà Shin M.

Buộc Công ty TNHH cung ứng P phải trả ngay một lần cho bà Shin M số tiền 966.000.000đ (Chín trăm sáu mươi sáu triệu đồng) theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số: 29112021/HĐHTKD/P-ShinMyungeun ngày 07/12/2021.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty TNHH cung ứng P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 40.980.000đ (Bốn mươi triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng).

Bà Shin M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Shin M 23.640.000đ (Hai mươi ba triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2022/0018069 ngày 05 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.1;
- CCTHADS Q.1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Tĩnh